

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **265** /2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 11/10/2019

Về việc: T/c hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Minh Tân và ông Hà Hữu Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Thuý Tình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Khánh Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyền Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2019/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị P, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang (vắng mặt có lý do).

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T., sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang (vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị P. và anh Nguyễn Văn T. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang đến năm 2014 vợ chồng ly hôn, đến năm 2016 vợ chồng lại về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống làm việc tại xã A, thành phố T. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 4/2019 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, có đánh cãi chửi nhau, thôn xã đã hoà giải nhưng không thành. Ngày 20/5/2019 chị P. có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị P. xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) người con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/9/2012 và cháu Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 10/3/2016, cháu M. đang ở cùng anh T. ở xã A, thành phố T.; cháu T. đang ở cùng chị P. ở huyện V, tỉnh Hà Giang. Quá trình giải quyết chị P. có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T., giao cháu M. cho anh T. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu Nguyễn Anh T có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nông Thị P.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị P. xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T. không có mặt ở địa phương, kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Nông Thị P. và anh Nguyễn Văn T. có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn, có đánh cãi chửi nhau. Tháng 5/2019 chị P. có đơn xin ly hôn gửi ra Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xong chị P. đã đem theo cháu Anh Tuấn bỏ nhà về huyện V, tỉnh Hà Giang sống. Hiện tại chị P. và cháu Anh Tuấn đang sống tại huyện V, tỉnh Hà Giang. Do không nhất trí ly hôn với chị Phương nên anh T. để cháu M. ở nhà cho ông bà nội nuôi tại xã A, thành phố T. và đi làm ăn xa thi thoảng trở về thăm nom, chăm sóc cháu. Do vậy, Tòa án không triệu tập được anh Nguyễn Văn T. đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Nông Thị P. và anh Nguyễn Văn T. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T. vào ngày 27/3/2017 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hiện đã sống ly thân. Do vậy, Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Nông Thị P. được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/9/2012 cho chị Nông Thị P. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu Nguyễn Thị Hồng M., sinh ngày 10/3/2016 cho anh Nguyễn Văn T. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Do các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị P. và anh Nguyễn Văn T. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu bình thường sau phát sinh mâu thuẫn. Tháng 5/2019 chị Nông Thị P. có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T..

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị Nông Thị P. và anh Nguyễn Văn T. bình thường, hạnh phúc được thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Năm 2014 anh T. và chị P. đã được Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang giải quyết cho ly hôn xong anh chị lại về chung sống với nhau đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn lại. Từ tháng 5/2019 đến nay chị P. bỏ nhà đem theo cháu T. về sống tại tỉnh Hà Giang, anh T. vì không nhất trí ly hôn nên đã để cháu M. ở lại cho ông bà nội chăm sóc rồi đi làm ăn xa, thi thoảng về nhà thăm nom, chăm sóc cháu.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Nông Thị P. và anh Nguyễn Văn T. có hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng hiện sống ly thân. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận xử cho chị Nông Thị P. được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) người con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/9/2012 và Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 10/3/2016. Quá trình giải quyết chị P. có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, giao cháu M. cho anh T. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu T. có nguyện vọng được ở với chị P..

Xét thấy, hiện tại cháu Nguyễn Anh T đang ở cùng chị Nông Thị P. ở huyện V, tỉnh Hà Giang, quá trình giải quyết cháu T. có nguyện vọng được ở với chị P.; Kết quả xác minh thể hiện cháu M. đang ở cùng anh T. và ông bà nội tại xã A, thành phố T.; anh T. chỉ đi làm ăn xa, không phải đi biệt tăm tích, thi thoảng anh T. vẫn về thăm nom, chăm sóc cháu. Gia đình anh Tuấn cũng có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao cháu M. cho anh Tuấn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự giao cháu Nguyễn Anh T cho chị Nông Thị P. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nguyễn Thị Hồng M. cho anh Nguyễn Văn T. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nông Thị P. xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nông Thị P. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000436 ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 271 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị P. được ly hôn với anh Nguyễn Văn T..

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/9/2012 cho chị Nông Thị P. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thị Hồng M., sinh ngày 10/3/2016 cho anh Nguyễn Văn T. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nông Thị P. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0000436 ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Chị P. đã nộp đủ án phí của vụ án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Hữu Bình - Vương Minh Tân

Tạ Hồng Chiến

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang (02 bản);
- CC THA DS tp. Tuyên Quang (để thi hành);
- UBND xã An Khang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến